TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1767/2020/DS-ST
Ngày: 05/10/2020
V/v: Tranh chấp quyền sở hữu tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhung.

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông: Huỳnh Trường Sơn

2/ Bà: Trần Thị Như Phương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Võ Quỳnh Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Ông: Đỗ Đức Toàn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Từ ngày 29 tháng 9 đến ngày 05 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án "Tranh chấp Quyền sở hữu tài sản" thụ lý số 366/TLST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2016 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4823/QĐST- DS ngày 10 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Bà Lê Thị C, sinh năm 1950 (Có mặt).

Địa chỉ: 8802 Palos Verdes, Westminster, California 92683, USA.

Chỗ ở hiện nay: 418/31 đường P, Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn:

1/ Bà Lê Phương T, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Địa chỉ: 304/44 đường H, Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Lê Nhật Huyền O, sinh năm 2001 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 1, ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Lê Ngọc N, sinh năm 1960 (Có đơn xin vắng mặt).

2/ Ông Lê Văn T, sinh năm 1964 (Có đơn xin vắng mặt).

3/ Bà Lê J (Lê Thị Thùy D) (Có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 418/14A đường P, Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

4/ Ủy ban nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thu N (Vắng mặt).

Địa chỉ: 474 Đường A, phường N, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1/ Nguyên đơn bà Lê Thị C trình bày:

Vào ngày 04/3/1998, bà Lê Thị C và gia đình ông Từ Văn Đ thỏa thuận sang nhượng lại căn nhà số 116E, khu 3, Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (nay được đổi thành số 418/31 đường P, Phường M, Quận X) theo quyết định đổi số nhà số 3133/QĐ-UB ngày 10/03/2003) với giá là 38 lượng vàng 9,5 tuổi (ba mươi tám lượng vàng chín tuổi rưỡi). Ngày 04/04/1998, bà C thanh toán đầy đủ tiền, vàng cho ông Đ và nhận bàn giao nhà. Sau đó bà đã sử dụng nhà và được cấp sổ hộ khẩu ngày 14/04/1998. Thời điểm này căn nhà chưa cấp Giấy chứng nhận vẫn do Cơ quan quản lý nhà Quận X quản lý. Những người sống trong căn nhà gồm có: Mẹ bà C, em trai là ông T, ông N và vợ là bà P và hai con gái của ông N là Lê Phương T và Lê Nhật Hoàng O.

Năm 2001 bà C đi xuất cảnh Mỹ. Khi đi bà có thỏa thuận với các thành viên trong gia đình để em trai út là Lê Văn T được toàn quyền sử dụng căn nhà trên để ở và chăm sóc mẹ già thể hiện qua "Giấy ủy quyền" lập ngày 26/07/2001 có chữ ký của tất cả 06 (sáu) anh, em gồm: Lê Văn M, sinh năm 1949; Lê Văn B, sinh năm 1959; Lê Ngọc N, sinh năm 1960; Lê Văn N, sinh năm 1963; Lê Văn T, sinh năm 1964 và bà Lê Thị C. Sau khi sang Mỹ thì bà vẫn thường xuyên gửi tiền về đóng thuế đất và tu sửa nhà cửa. Do làm nghề tài xế nên ông T cũng thường xuyên vắng nhà, việc chăm sóc mẹ được giao lại cho gia đình anh kế là Lê Văn N. Khi có thông báo của Cơ quan quản lý nhà Quận X về việc bán nhà do Nhà nước quản lý theo Nghị định 61/CP ngày 05/07/1994 của Chính phủ, ông T đã thông báo cho bà C biết. Do bà C đang định cư ở Mỹ nên không thể về để đứng tên cho căn nhà nên bà C đề nghị ông T làm giấy cam kết giao quyền sử dụng và quyền đứng tên hợp đồng mua bán căn nhà trên cho ông Lê Văn N thay cho bà C. Giấy cam kết của ông T được chứng thực bởi UBND phường M, Quận X vào ngày 23/10/2006, trong đó thể hiện việc ông T giao quyền sử dụng và quyền đứng tên hợp đồng mua bán nhà cho ông Lê Văn N trên cơ sở giấy ủy quyền của bà C lập ngày 26/07/2000. Tiền mua căn nhà theo Nghị định 61/CP của Chính phủ, bà C đã đưa tiền trực tiếp cho ông N để thanh toán. Sau khi hoàn tất việc mua bán, Ủy ban nhân dân Quận X đã cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đứng tên ông Lê Văn N.

Căn nhà trên là của bà C, ông N chỉ đứng tên giùm nên trong "Giấy chứng nhận" không có tên bà Đinh Thị P - vợ ông N. Mặt khác trong Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự số 09/2013/CNTT-HNGĐ-ST ngày 07/01/2013 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh cũng ghi tài sản chung: Không có. Quyết định số 3133/QĐ-UB

ngày10/03/2003 của Ủy ban nhân dân Quận X về đổi số nhà 116E thành số 418/31 Đường P, Phường M, Quận X, Tp. Hồ Chí Minh có ghi tên bà C tại điều 3. Điều đó thể hiện bà C là người đang đứng tên trên hồ sơ nhà, đất. Ngoài ra năm 2013 bà C cũng gửi 1.200.000.000 (một tỷ hai trăm triệu đồng) cho ông Lê Ngọc N trực tiếp thanh toán chi phí xây nhà. Ông N chết vào ngày 11/4/2015. Hàng thừa kế thứ nhất của ông N gồm hai con: Bà Lê Phương T sinh năm 1986 và Bà Lê Nhật Huyền O, sinh năm 2000. Bà C vẫn còn quốc tịch Việt nam hiện đang ở căn nhà trên. Nay yêu cầu Tòa nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét giải quyết:

Hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5003/2008/UB.GCN do Ủy ban nhân dân Quận X cấp ngày 02/10/2008 cho ông Lê Văn N.

Công nhận Quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại số 418/31 Đường P, Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh là của bà C

2/ Bị đơn là bà Lê Phương T và Lê Nhật Huyền O vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có trình bày.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn Thanh trình bày trong bản tự khai ngày 12 tháng 6 năm 2017: Bà Lê Thị C là chị ruột của ông. Căn nhà số 116E, Khu 3, Phường M, Quận X (nay được đổi thành số 418/31 Đường P, Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh) theo quyết định đổi số nhà số 3133/QĐ-UB ngày 10/03/2003) là nhà của bà C đã bỏ tiền ra mua của ông Từ Văn Đ năm 1998. Sau đó gia đình gồm mẹ già, bà C, ông T, ông N và vợ con ông N dọn về căn nhà này ở để tiện chăm sóc mẹ già từ năm 1998. Trong khoảng thời gian này, căn nhà trên chưa được cấp Giấy chứng nhận, nhà vẫn thuộc Cơ quan quản lý nhà Quận X quản lý. Đây là căn nhà bà C đã mua lại từ ông Từ Văn Đ vào năm 1998. Vào năm 2001, vì lý do kinh tế nên bà C xin xuất cảnh sang Mỹ để làm ăn. Trước khi đi bà C để cho ông T được toàn quyền sử dụng căn nhà để ở và chăm sóc, nuôi dưỡng mẹ thể hiện qua "Giấy ủy quyền" lập ngày 26/07/2001 có chữ ký của tất cả 06 (sáu) anh, chị, em gồm: Lê Văn M, sinh năm 1949; Lê Văn Bảo, sinh năm 1959; Lê Ngọc N, sinh năm 1960; Lê Văn N, sinh năm 1963; bà Lê Thị C và ông T. Khi có thông báo của Cơ quan quản lý nhà Quận X về việc bán nhà do Nhà nước quản lý theo Nghị định 61/CP ngày 05/07/1994 của Chính phủ, ông có báo cho bà C biết. Do làm nghề tài xế nên ông thường xuyên vắng nhà, việc chăm sóc mẹ được giao lại cho gia đình anh kế là Lê Văn N và không có thời gian đứng ra làm thủ tục mua nhà hóa giá nên ông làm ủy quyền lại cho ông Lê Văn N thay mặt bà C ký hợp đồng mua nhà của nhà nước và đứng tên thể hiện giấy ủy quyền ngày 23/10/2006 được chứng thực bởi Ủy ban nhân dân Phường M, Quận X. Nội dung ủy quyền thể hiện việc giao quyền sử dụng và quyền đứng tên hợp đồng mua bán nhà cho ông Lê Văn N trên cơ sở giấy ủy quyền của bà C lập ngày 26/07/2001 và ông N đã đứng tên trong giấy chứng nhận căn nhà trên. Nay bà C khởi kiện thì ông đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

4/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Ngọc N đồng ý với ý kiến của ông T.

5/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lê J (Lê Thị Thùy D đồng ý với ý kiến của bà C.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà C vẫn giữ nguyên ý kiến. Bà C tự nguyện đóng án phí thay cho bà T trong trường hợp bà T thua kiện. Bà T vắng mặt, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan khác vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục, các đương sự đã được thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ. Các đương sự vắng mặt Tòa án đã niêm yết xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét căn nhà số 418/31 Đường P, Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (số cũ 116E, Khu 3, Phường M, Quận X) có nguồn gốc của bà C sang nhượng của gia đình ông Từ Văn Đ năm 1998 với giá 38 lượng vàng 9,5. Năm 2001 bà C đi nước ngoài đã ủy quyền cho em ruột là ông T, sau đó ông T ủy quyền lại cho anh ruột là ông N sử dụng và đứng tên hợp đồng mua bán với công ty quản lý nhà Quận X. Ông N chết, các con ông N không sang tên lại cho bà C. Bà C vẫn giữ quốc tịch Việt Nam và hiện nay đang ở ổn định tại căn nhà trên. Nay bà yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5003/2008/UB.GCN do Uỷ ban nhân dân Quận X cấp ngày 02/10/2008 cho ông Lê Văn N và công nhận Quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất tại số 418/31 Đường P, Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh là của bà C là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí, các đương sự đóng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Xét thủ tục tố tụng: Ông Lê Văn Thanh, bà Lê J (Lê Thị Thùy D) có đơn xin xét xử vắng mặt. Uỷ ban nhân dân Quận X Thành phố Hồ Chí Minh vắng mặt. Bà Lê Phương T vắng mặt, căn cứ vào kết quả xác minh của Công an Phường 3 Quận 8 ngày 20/9/2018 và Công văn ngày 11/8/2020 thì bà T hiện đang cư ngụ tại địa chỉ: 304/44 đường H, Phường N, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Lê Nhật Huyền O, căn cứ vào kết quả xác minh ngày 23/4/2019 của Công an xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang thì bà Oanh có địa chỉ tại Tổ 1, ấp N, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Các đương sự trên đã được Tòa án đã tống đạt các văn bản: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử nhiều lần nhưng các đương sự vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Tòa án niêm yết theo thủ tục tố tụng và xét xử vắng mặt các đương sự.

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án "Tranh chấp quyền sở hữu tài sản và hủy giấy chứng nhận". Tại thời điểm thụ lý bà Lê Thị C đang ở nước ngoài nên căn cứ Điều 26; Điều 34; khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố

tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Xét đơn khởi kiện của bà C yêu cầu Hủy giấy chứng nhận về Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5003/2008/UB.GCN do Uỷ ban nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/10/2008 cho ông Lê Văn N và công nhận quyền sở hữu căn nhà trên cho bà, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Xét căn nhà số 418/31 Đường P, Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh (số cũ 116E, Khu 3, Phường M, Quận X) có nguồn gốc của gia đình ông Từ Văn Đ, Từ X và Từ Gia T. Năm 1998 gia đình ông Từ Gia T sang nhượng cho bà Lê Thị C với giá 38 lượng vàng 9,5 tuổi nhưng chưa sang tên được thể hiện qua giấy mua bán tay ngày 04/03/1998. Sau khi nhận nhà các thành viên trong gia đình gồm: Mẹ đẻ bà C, ông T, ông Lê Ngọc N, bà C, ông N, vợ con ông N là bà Đinh Thị P, Lê Phương T và Lê Thị Huyền O vào cư ngụ tại căn nhà trên. Năm 2001 bà C đi xuất cảnh nên đã làm giấy ủy quyền cho em trai là Lê Văn T được toàn quyền sử dụng căn nhà và chăm sóc mẹ già được thể hiện qua giấy ủy quyền ngày 26/7/2001. Giấy uỷ quyền này có chữ ký của 06 anh em trong gia đình gồm: Lê Văn N, Lê Văn T, Lê Ngọc N, Lê Thị C và Lê Văn B. Năm 2006 do ông T thường xuyên làm ăn xa nhà nên ngày 23/10/2006 ông T làm giấy ủy quyền lại cho ông N có xác nhận của Uỷ ban nhân dân Phường 01 Quận X với nội dung: Bà C ủy quyền sử dụng căn nhà cho ông T ngày 26/7/2001, nay ông T ủy quyền lại cho ông N được quyền sử dụng và đứng tên ký hợp đồng mua bán nhà với cơ quan quản lý nhà Quận X, thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào ủy quyền này cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã tiến hành các thủ tục và cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu cho ông N, các khoản tiền thuế phí vẫn do bà C bỏ ra đóng. Năm 2013 bà C cũng bỏ ra số tiền 1.200.000.000(Một tỷ hai trăm tiệu đồng) để xây mới căn nhà trên.

Xét Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự số 09/2013/CNTT-HNGĐ-ST ngày 07/01/2013 của Tòa án nhân dân Quận X, Thành Phố Hồ Chí Minh về việc ly hôn giữa ông Lê Văn N và bà Đinh Thị P tại phần tài sản chung cũng ghi: Không có. Điều này thể hiện rõ ông N và bà Phi không có tài sản chung, căn nhà ông N đứng tên trên giấy chứng nhận là của bà C.

Xét Công văn xác minh số 2102/CNQ10 ngày 10/7/2017 của Chi nhánh Văn Phòng đăng ký đất đai Quận X thành phố Hồ Chí Minh cũng xác nhận nguồn gốc căn nhà là của gia đình ông Từ Gia T và bà C là người bỏ tiền ra mua, sau đó ủy quyền cho em trai là ông T và sau này ông T ủy quyền lại cho ông N đứng tên ký hợp đồng và đứng tên trên giấy chứng nhận. Vì vậy Căn cứ Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 12/9/2006 Uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về xác lập quyền sở hữu nhà của nhà nước, hợp đồng trả một lần mua bán nhà thuộc sở hữu của nhà nước số 1247/HĐMBNƠ.1 ngày 08/10/2007 và biên bản thanh lý hợp đồng ngày 12/10/2007 giữa ông Lê Văn N với Công ty dịch vụ đầu tư – Quản lý nhà Quận X, Uỷ ban nhân dân Quận X đã cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5003/2008/UB.GCN do Uỷ ban nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/10/2008 cho

ông Lê Văn N. Như vậy, xét Uỷ ban nhân dân Quận X thành phố Hồ Chí Minh căn cứ vào giấy ủy quyền của bà C và ông T đã cấp Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất cho ông N thời điểm này là hoàn toàn đúng quy trình. Tuy nhiên hiện nay ông N đã chết, các con ông N không hợp tác trong việc chuyển quyền sở hữu cho bà C. Hiện bà C vẫn giữ quốc tịch Việt Nam và hiện đang ở ổn định tại căn nhà trên vì vậy để đảm bảo quyền sở hữu về tài sản cho bà C cần hủy giấy chứng nhận mà Uỷ ban nhân dân đã cấp cho ông N để tạo điều kiện cho bà C thực hiện quyền sở hữu về tài sản.

Từ những chứng cứ và phân tích nêu trên Hội đồng xét xử đồng ý với ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: Hủy giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất số 5003/2008/UB.GCN ngày 02/10/2008 do Uỷ ban nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Lê Văn N và công nhận Quyền sở hữu nhà ở quyền sở hữu đất ở căn nhà số 418/31(Số cũ 116E, Khu 3) Đường P, Phường M, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh) của bà Lê Thị C là có cơ sở chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên án phí bà T phải nộp là 300.000 đồng. Tại phiên tòa bà C thỏa thuận nộp thay bà T. Đây là sự tự nguyện của bà C nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Hoàn lại cho bà C số tiền 56.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0031245 ngày 28/9/2016 của Cục Thi Hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Khấu trừ 300.000 đồng án phí bà C đóng cho bà T nên còn trả lại số tiền 55.700.000 đ (Năm mươi lăm triệu bảy trăm nghìn đồng).

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 26; Điều 34; khoản 1 Điều 37; Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ Điều 255; 256; 257; 258 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Luật về án phí, lệ phí Toà án năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C:

Tuyên hủy Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5003/2008/UB.GCN ngày 02/10/2008 do Uỷ ban nhân dân Quận X, thành phố Hồ Chí Minh cấp cho ông Lê Văn N.

Công nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại 418/31(Số cũ 116E, Khu 3) Đường P, Phường M, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 5003/2008/UB.GCN

do Uỷ ban nhân dân Quận X, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/10/2008 là của bà Lê Thị C.

Bà C được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền xin cấp giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật.

2/ Về án phí Dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Phương T phải nộp là 300.000 đồng.

Hoàn lại cho bà Lê Thị C số tiền 56.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0031245 ngày 28/9/2016 của Cục Thi Hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Khấu trừ 300.000 đồng án phí bà C thỏa thuận tự nguyện đóng cho bà T nên còn nhận lại số tiền 55.700.000 đ (Năm mươi lăm triệu bảy trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục thi hành án dân sự TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Nhung

Hội đồng xét xử sơ thẩm

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà.